TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ
Ngày: 29-4-2025
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Thạch Hùng;**

Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung**.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà **Thạch Thị Minh Châu**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông **Sơn Nhựt Nhân**, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/TLST–HNGĐ ngày 27-02-2025; về việc "Tranh chấp ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11-4-2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

Bị đơn: Anh Sơn Th, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Vào năm 1997, chị có xác lập quan hệ vợ chồng với anh Sơn Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, quá trình sống chung chị với anh Th có 02 người con chung tên Sơn Thị M, sinh ngày 31/8/1998 và Sơn S, sinh năm 2003 đều đã thành niên.

Về tài sản chung: Không có, nên không tranh chấp;

Về nợ chung: Không có;

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng sống chung không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hàn gắn được

nên chị với anh Th không còn sống chung từ năm 2011 đến nay, thời gian ly thân đến nay chị với anh Th không còn khả năng đoàn tụ được.

Chị Lê Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Sơn Th;

Về con chung: Sơn Thị M, sinh ngày 31/8/1998 và Sơn S, sinh năm 2003 đều đã thành niên và sống tự lập nên chị L không yêu cầu giải quyết;

Về tài sản chung: Chị L khai không có, nên không yêu cầu;

Về nợ chung: Chị L khai không có, nên không yêu cầu;

Ý kiến của bị đơn anh Sơn Th trình bày: Anh với chị Lê Thị L có kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào năm 1997, quá trình sống chung anh với chị L có 02 người con chung tên Sơn Thị M, sinh ngày 31/8/1998 và Sơn S, sinh năm 2003 đều đã thành niên.

Về tài sản chung: Không tranh chấp;

Về nợ chung: Không có.

Nguyên nhân vợ chồng không còn sống chung: Vợ chồng không còn sống chung đến nay khoảng 04 đến 05 năm, hiện tại anh đang thuê nhà trọ ở ấp Đ, xã P sống, vợ chồng không có sống chung, mặc dù vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ được, yêu cầu ly hôn của chị L, anh không đồng ý.

Về con chung: Sơn Thị M, sinh ngày 31/8/1998 và Sơn S, sinh năm 2003 đều đã thành niên và sống tự lập nên anh Th không yêu cầu giải quyết;

Về tài sản chung: Anh Th không tranh chấp;

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), giấy khai sinh con, CCCD (photo); Bị đơn không có cung cấp chứng cứ.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Về con chung: Sơn Thị M, sinh ngày 31/8/1998 và Sơn S, sinh năm 2003 đều đã thành niên, chị L với anh Th không yêu cầu giải quyết;

Về tài sản chung: Chị Lê Thị L với anh Sơn Th không tranh chấp tài sản chung, nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị Lê Thị L với anh Sơn Th thống nhất khai không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Sơn Th; Anh Sơn Th không đồng ý ly hôn, nhưng không yêu cầu đoàn tụ;

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng

trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Về nội dung vụ án*:** Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Sơn Th;

2. Về con chung: Sơn Thị M, sinh ngày 31/8/1998 và Sơn S, sinh năm 2003 đều đã thành niên, chị L với anh Th không yêu cầu giải quyết;

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị L với anh Sơn Th không tranh chấp, nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Lê Thị L với anh Sơn Th thống nhất khai không có, nên không giải quyết.

5. Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn cư trú tại huyện T theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T; Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Chị Lê Thị L và anh Sơn Th có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo hồ sơ vụ án thể hiện chị Lê Thị L với anh Sơn Th có xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1997 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của chị L với anh Th là hợp pháp. Quá trình chung sống chị L và anh Th đều xác định tình trạng hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, quá trình giải quyết chị L khai chị với anh Th không còn sống chung vợ chồng 11 năm nay, thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn, đoàn tụ được. Anh Th khai vợ chồng không còn sống chung từ 04 đến 05 năm nay hiện tại anh thuê nhà trọ sống một mình, nhưng yêu cầu xin ly hôn của chị L anh không đồng ý. Xét thấy, mặc dù anh Th không đồng ý ly hôn, anh cũng không tìm được giải pháp tích cực nào để khắc phục mối quan hệ hôn nhân giữa anh với chị L, cho nên ý kiến của anh Th không được chấp nhận, yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở, bởi hôn nhân được xây dựng trên nền tảng của sự yêu thương, tôn trọng, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau, giữa chị L với anh Th chỉ tồn tại mối quan hệ hôn nhân, nhưng mục đích hôn nhân của chị L và anh Th không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh Th.

[3] *Về con chung:* Chị Lê Thị L với anh Sơn Th khai, thời gian sống chung chị L với anh Th có 02 con chung tên Sơn Thị M, sinh ngày 31/8/1998 và Sơn S, sinh năm 2003 đều đã thành niên, chị L với anh Th thống nhất không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về tài sản chung:* Chị Lê Thị L với anh Sơn Th thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về nợ chung:* Chị Lê Thị L với anh Sơn Th thống nhất khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[6] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Lê Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 147, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Sơn Th.

2. Về con chung: Sơn Thị M, sinh ngày 31/8/1998 và Sơn S, sinh năm 2003 đều đã thành niên, chị Lê Thị L với anh Sơn Th thống nhất không yêu cầu giải quyết.

3 Về tài sản chung: Chị Lê Thị L với anh Sơn Th thống nhất không tranh chấp, nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Lê Thị L với anh Sơn Th thống nhất khai không có, nên không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006042, ngày 27-02-2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh. Chị Lê Thị L đã nộp đủ án phí.

Anh Sơn Th không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm